



**Công ty Cổ phần Masan MEATLife**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2022



**Công ty Cổ phần Masan MEATLife**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký  
Doanh nghiệp số**

0311224517

ngày 7 tháng 10 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 8 tháng 12 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Danny Le  
Ông Trần Phương Bắc  
Ông Huỳnh Việt Thắng  
Ông Nguyễn Quốc Trung

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
(từ ngày 28 tháng 4 năm 2022)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Quốc Trung

Tổng Giám đốc

**Ủy ban Kiểm toán**

Ông Huỳnh Việt Thắng  
Ông Trần Phương Bắc

Chủ tịch  
Thành viên

**Trụ sở đăng ký**

Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza  
17 Lê Duẩn  
Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **Công ty Cổ phần Masan MEATLife**

### **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 31 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Trung  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2022



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Masan MEATLife**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Masan MEATLife ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 18 tháng 8 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 31.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Masan MEATLife tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam  
Báo cáo soát xét số: 22-01-00384-22-1



Nelson Rodriguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc



Triệu Tích Quyền  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 4629-2018-007-2

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2022

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> <b>(100 = 110 + 120 + 130 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>3.471.025.591.689</b>	<b>3.533.822.773.228</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>7</b>	<b>53.236.702.442</b>	<b>88.110.851.108</b>
Tiền	111		23.236.702.442	38.110.851.108
Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	50.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>256.165.829.261</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	8	-	256.165.829.261
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.415.888.096.656</b>	<b>3.188.932.509.419</b>
Phải thu của khách hàng	131	9	20.311.799.466	20.641.523.908
Trả trước cho người bán	132		14.777.640	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	10	3.372.550.000.000	3.121.950.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	42.436.813.728	65.988.861.524
Dự phòng phải thu khó đòi	137	9	(19.425.294.178)	(19.647.876.013)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.900.792.591</b>	<b>613.583.440</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		913.528.063	613.583.440
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		987.264.528	-
<b>Tài sản dài hạn</b> <b>(200 = 210 + 220 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>3.963.126.927.029</b>	<b>3.964.037.962.462</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>2.756.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216		-	2.756.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>35.999.228</b>	<b>246.034.113</b>
Tài sản cố định hữu hình	221		4.210.504	39.901.535
Nguyên giá	222		198.840.318	247.460.318
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(194.629.814)	(207.558.783)
Tài sản cố định vô hình	227		31.788.724	206.132.578
Nguyên giá	228		918.560.700	918.560.700
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(886.771.976)	(712.428.122)
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>3.962.880.024.017</b>	<b>3.962.880.024.017</b>
Đầu tư vào các công ty con	251	12(a)	3.314.777.300.000	3.314.777.300.000
Đầu tư vào một công ty liên kết	252	12(b)	648.102.724.017	648.102.724.017
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>210.903.784</b>	<b>909.148.332</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		210.903.784	909.148.332
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>7.434.152.518.718</b>	<b>7.497.860.735.690</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**

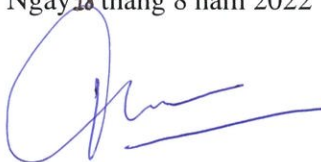
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>2.061.387.830.314</b>	<b>2.080.965.707.890</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>91.011.293.783</b>	<b>114.160.530.353</b>
Phải trả người bán	311	13	965.805.676	4.219.526.114
Người mua trả tiền trước	312		293.382.022	323.766.646
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	616.666.036	585.949.237
Phải trả người lao động	314		-	5.223.974
Chi phí phải trả	315	15	79.322.093.586	78.397.720.625
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	9.813.346.463	1.328.343.757
Vay ngắn hạn	320	17(a)	-	29.300.000.000
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.970.376.536.531</b>	<b>1.966.805.177.537</b>
Trái phiếu phát hành dài hạn	338	17(b)	1.970.218.675.031	1.966.647.316.037
Dự phòng phải trả dài hạn	342		157.861.500	157.861.500
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>5.372.764.688.404</b>	<b>5.416.895.027.800</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>5.372.764.688.404</b>	<b>5.416.895.027.800</b>
Vốn cổ phần	411	19	3.269.884.470.000	3.269.884.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.269.884.470.000	3.269.884.470.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.119.005.015.149	2.119.005.015.149
(Lỗ lũy kế)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(16.124.796.745)	28.005.542.651
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/				
(lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		28.005.542.651	(2.363.473.770.995)
- (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế kỳ này/năm trước	421b		(44.130.339.396)	2.391.479.313.646
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>7.434.152.518.718</b>	<b>7.497.860.735.690</b>

Ngày 18 tháng 8 năm 2022



Mã Hồng Kim  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Diễm  
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Quốc Trung  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Masan MEATLife**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022**

**Mẫu B 02a – DN**

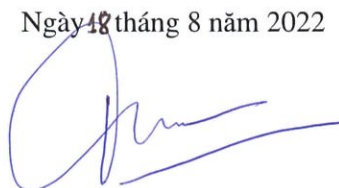
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>01</b>		-	<b>6.211.205.978.421</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>		-	<b>346.333.199.259</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		-	<b>5.864.872.779.162</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>		-	<b>5.457.736.994.369</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		-	<b>407.135.784.793</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	107.527.723.491	45.530.343.985
Chi phí tài chính	22	22	97.860.555.157	150.996.892.965
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		94.289.196.163	118.035.281.634
Chi phí bán hàng	25		-	218.941.323.020
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	54.298.697.360	82.535.163.086
<b>(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>(44.631.529.026)</b>	<b>192.749.707</b>
Thu nhập khác	31		503.945.630	190.695.166
Chi phí khác	32		2.756.000	1.120.244
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>501.189.630</b>	<b>189.574.922</b>
<b>(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(44.130.339.396)</b>	<b>382.324.629</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>24</b>	-	-
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>24</b>	-	-
<b>(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>(44.130.339.396)</b>	<b>382.324.629</b>

Ngày 18 tháng 8 năm 2022



Mã Hồng Kim  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Diễm  
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Quốc Trung  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022  
(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(44.130.339.396)</b>	<b>382.324.629</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao	02	196.529.328	142.294.446
Các khoản dự phòng	03	(97.510.879)	1.870.433.944
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.128.246)	146.158.569
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(104.429.693.894)	(45.530.174.985)
Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu	06	97.860.555.157	118.035.281.634
<b>(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(50.601.587.930)</b>	<b>75.046.318.237</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	1.087.542.540	216.537.042.731
Biến động hàng tồn kho	10	-	(522.906.217)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	7.933.019.517	347.377.594.549
Biến động chi phí trả trước	12	398.299.925	(1.398.270.876)
Biến động chứng khoán kinh doanh	13	256.165.829.261	(804.054.642.092)
		<b>214.983.103.313</b>	<b>(167.014.863.668)</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(95.935.433.150)	(15.019.983.489)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(760.586.113)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>119.047.670.163</b>	<b>(182.795.433.270)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	13.505.557	-
Tiền chi cho vay và gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(3.494.950.000.000)	(693.200.000.000)
Tiền thu hồi cho vay và rút tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	3.244.350.000.000	1.095.650.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty con	25	-	(700.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và lợi nhuận được chia	27	126.099.566.468	141.375.374.677
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(124.486.927.975)</b>	<b>(156.174.625.323)</b>

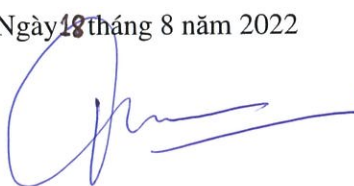
*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*



**Công ty Cổ phần Masan MEATLife****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022**  
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**Mẫu B 03a – DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền trả chi phí phát hành cổ phiếu	31	-	(50.000.000)
Tiền thu từ đi vay	33	-	1.446.310.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(29.300.000.000)	(1.494.100.000.000)
Tiền trả cổ tức	36	(136.019.100)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(29.436.019.100)	(47.840.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(34.875.276.912)	(386.810.058.593)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	88.110.851.108	1.176.073.253.973
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	1.128.246	(146.158.569)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	53.236.702.442	789.117.036.811

Ngày 18 tháng 8 năm 2022


Mã Hồng Kim  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Điềm  
Giám đốc Tài chínhNguyễn Quốc Trung  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

## **Công ty Cổ phần Masan MEATLife**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đã được giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCOM”) theo Quyết định số 804/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành ngày 2 tháng 12 năm 2019.

### **(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý đầu tư. Công ty đã ngừng kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản trong kỳ sau khi Công ty thanh lý mảng hoạt động kinh doanh thức ăn chăn nuôi (được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần MNS Feed và các công ty con) trong tháng 12 năm 2021.

### **(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có 2 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết sở hữu trực tiếp (1/1/2022: 2 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết sở hữu trực tiếp) như được trình bày trong Thuyết minh 12.

Trong tháng 8 năm 2022, Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH MNS Farm (“MNS Farm”), một công ty con sở hữu gián tiếp của Công ty thông qua MNS Meat, đã thông qua việc chuyển giao toàn bộ lợi ích kinh tế của MNS Farm trong Công ty TNHH MML Farm Nghệ An, một công ty con của MNS Farm, cho Công ty. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, giao dịch này chưa được hoàn tất.

Trong tháng 8 năm 2022, Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH MNS Meat Processing (“MNS Meat Processing”), một công ty con sở hữu gián tiếp của Công ty thông qua MNS Meat, đã thông qua việc chuyển giao toàn bộ lợi ích kinh tế của MNS Meat Processing trong Công ty TNHH MEATDeli HN, một công ty con của MNS Meat Processing, cho Công ty. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, giao dịch này chưa được hoàn tất.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có 92 nhân viên (1/1/2022: 32 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

## **3. Những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với những chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.



**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Đầu tư**

**(i) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là trái phiếu được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi khoản lãi phát sinh trong giai đoạn trước ngày mua chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng là giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(ii) Đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

42-6  
HÁ  
TY  
M  
HỒ

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- thiết bị văn phòng 3 – 5 năm

**(f) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

**(g) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 1 năm đến 3 năm.

**(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.



**Công ty Cổ phần Masan MEATLife**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(h) Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(i) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(j) Trái phiếu thường phát hành**

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

**(k) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu so với mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận trong thặng dư vốn cổ phần.

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(m) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(n) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**

**(i) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi, cho vay và trái phiếu; lãi từ thanh lý chứng khoán kinh doanh và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(ii) Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, trái phiếu, chi phí phát hành trái phiếu (gọi chung là “chi phí đi vay”) và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản liên quan.

**(o) Thuê hoạt động**

Các tài sản thuê mà theo các điều khoản của hợp đồng thuê, Công ty, với tư cách là bên đi thuê, không chịu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.



**Công ty Cổ phần Masan MEATLife**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(p) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là bên liên quan.

**(q) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ trước.

Thông tin so sánh được mang sang từ các số liệu và số dư trong báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

**4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty không bị biến động theo mùa.

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi trọng yếu trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện khi lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của năm trước.

**6. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty**

Không có thay đổi nào trong cơ cấu của Công ty kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất mà có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## 7. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền gửi ngân hàng	23.236.702.442	38.110.851.108
Các khoản tương đương tiền	30.000.000.000	50.000.000.000
	<u>53.236.702.442</u>	<u>88.110.851.108</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch.

## 8. Chứng khoán kinh doanh

	30/6/2022			1/1/2022		
	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND
Trái phiếu được phát hành bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, công ty mẹ	-	-	-	2.561.650	256.165.829.261	-
		<u>-</u>	<u>-</u>		<u>256.165.829.261</u>	<u>-</u>

## 9. Phải thu của khách hàng

Không có số dư phải thu từ các bên liên quan trong khoản phải thu của khách hàng (1/1/2022: không).

Biến động trong kỳ của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Số dư đầu kỳ	19.647.876.013	5.113.318.797
Dự phòng trích lập trong kỳ	-	1.646.977.831
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(125.070.956)	-
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(97.510.879)	-
Số dư cuối kỳ	<u>19.425.294.178</u>	<u>6.760.296.628</u>

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## 10. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn bằng VND như sau:

	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>30/6/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>				
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	6,5%	2022	-	2.662.750.000.000
<b>Các công ty con sở hữu gián tiếp</b>				
▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	6,5%	2022	216.200.000.000	266.200.000.000
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN	6,5%	2022	128.200.000.000	87.000.000.000
▪ Công ty TNHH MML Farm Nghệ An	6,5%	2022	-	106.000.000.000
<b>Bên liên quan khác</b>				
▪ Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan	6,5%	2023	3.028.150.000.000	-
			<b>3.372.550.000.000</b>	<b>3.121.950.000.000</b>

Tất cả các khoản phải thu về cho vay không có bảo đảm.

## 11. Phải thu ngắn hạn khác

	<b>30/6/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
Lãi phải thu từ khoản cho các bên liên quan vay	40.951.101.402	57.347.795.228
Lãi phải thu từ chứng khoán kinh doanh phát hành bởi công ty mẹ	-	5.249.206.145
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng	-	23.972.603
Đặt cọc ngắn hạn	166.506.530	2.355.860.530
Phải thu khác từ các công ty con	193.538.950	156.736.239
Phải thu khác	1.125.666.846	855.290.779
	<b>42.436.813.728</b>	<b>65.988.861.524</b>



**Công ty Cổ phần Masan MEATLife****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Phải thu ngắn hạn khác bao gồm các khoản phải thu từ các bên liên quan như sau:

	<b>30/6/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	-	25.639.305.460
<b>Các công ty con sở hữu gián tiếp</b>		
▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	39.389.104.364	32.050.021.792
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN	1.606.476.712	49.830.135
▪ Công ty TNHH Thực phẩm 3F VIỆT	149.059.276	92.826.128
▪ Công ty TNHH MML Farm Nghệ An	-	4.921.754.097

Lãi cho vay phải thu từ công ty mẹ và các công ty con không có bảo đảm và có thể thu hồi vào ngày sớm hơn của ngày đáo hạn của nợ gốc vay hoặc ngày hoàn trả của các hợp đồng vay liên quan. Các khoản phải thu khác từ các công ty con không có bảo đảm, không hưởng lãi và có thể thu hồi khi yêu cầu.

**12. Đầu tư tài chính dài hạn****(a) Đầu tư vào các công ty con**

	<b>30/6/2022 và 1/1/2022</b>	
	<b>% lợi ích kinh tế/ quyền biểu quyết</b>	<b>Giá gốc VND</b>
▪ Công ty TNHH MNS Meat (“MNS Meat”)	99,99%	2.700.003.000.000
▪ Công ty Cổ phần 3F VIỆT (“3F VIỆT”)	51,0%	614.774.300.000
		<b>3.314.777.300.000</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Không có dự phòng giảm giá đầu tư vào các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022.

Không có biến động của khoản đầu tư vào các công ty con trong kỳ.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

<b>Tên</b>	<b>Trụ sở</b>	<b>Hoạt động chính</b>
Công ty TNHH MNS Meat	Khu Công nghiệp Sông mây, Xã Bắc Sơn, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Tư vấn quản lý đầu tư
Công ty Cổ phần 3F VIỆT	Tầng 10, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Chăn nuôi gia cầm và chế biến và bảo quản thịt và các sản phẩm chế biến từ thịt gia cầm

**(b) Đầu tư vào một công ty liên kết**

	<b>30/6/2022 và 1/1/2022</b>		
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>% lợi ích kinh tế/ quyền biểu quyết</b>	<b>Giá gốc VND</b>
Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản ("Vissan")	20.180.026	24,9%	648.102.724.017

Hoạt động chính của Vissan là chế biến và kinh doanh thịt tươi sống, thực phẩm chế biến và các sản phẩm chế biến từ thịt.

Không có dự phòng giảm giá đầu tư vào một công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022.

Không có biến động của khoản đầu tư vào một công ty liên kết trong kỳ.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào một công ty liên kết để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

**13. Phải trả người bán****(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	<b>30/6/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	-	3.463.708.169
Các nhà cung cấp khác	965.805.676	755.817.945
	<b>965.805.676</b>	<b>4.219.526.114</b>

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>30/6/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
<i>Các công ty con sở hữu gián tiếp</i>		
▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	31.492.501	-
<i>Các bên liên quan khác</i>		
▪ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	-	3.463.708.169
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce	-	70.571.020

Các khoản phải trả cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**14. Thuế phải nộp Nhà nước**

	<b>1/1/2022 VND</b>	<b>Phát sinh VND</b>	<b>Nộp VND</b>	<b>Cẩn trừ VND</b>	<b>30/6/2022 VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	51.063.656	23.927.454	(51.063.637)	(23.927.473)	-
Thuế thu nhập cá nhân	534.885.581	9.407.238.305	(9.325.457.850)	-	616.666.036
Các loại thuế khác	-	28.000.000	(28.000.000)	-	-
	<b>585.949.237</b>	<b>9.459.165.759</b>	<b>(9.404.521.487)</b>	<b>(23.927.473)</b>	<b>616.666.036</b>

**15. Chi phí phải trả**

	<b>30/6/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
Chi phí lãi vay	65.067.842.466	66.714.079.453
Thưởng thành tích	8.195.100.000	3.894.420.000
Chiết khấu thương mại	1.729.547.257	1.730.556.458
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	49.170.000	49.170.000
Chi phí khác	4.280.433.863	6.009.494.714
	<b>79.322.093.586</b>	<b>78.397.720.625</b>



**Công ty Cổ phần Masan MEATLife**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## 16. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền tạm ứng từ nhân viên cho kế hoạch về quyền chọn mua cổ phiếu của nhân viên	8.866.969.089	-
Phải trả cổ tức	733.930.575	869.949.675
Phải trả khác	212.446.799	458.394.082
	<b>9.813.346.463</b>	<b>1.328.343.757</b>

## 17. Vay và trái phiếu phát hành

### (a) Vay ngắn hạn

	1/1/2022 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ		30/6/2022 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Hoàn trả VND	
Vay ngắn hạn	29.300.000.000	-	(29.300.000.000)	-

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Các khoản vay ngân hàng không được đảm bảo	VND	3,4%	-	29.300.000.000

### (b) Trái phiếu phát hành dài hạn

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Trái phiếu phát hành dài hạn	1.970.218.675.031	1.966.647.316.037

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các trái phiếu phát hành dài hạn như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>30/6/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá					
▪ Trái phiếu số					
MMLB2126001	VND	9,5%	2026	1.999.980.000.000	1.999.980.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu chưa phân bổ				(29.761.324.969)	(33.332.683.963)
				<b>1.970.218.675.031</b>	<b>1.966.647.316.037</b>

Trái phiếu số MMLB2126001 có thời gian đáo hạn 5 năm (2026) và chịu lãi suất năm là 9,5% trong năm đầu tiên và 3,9% cộng với lãi suất huy động trung bình 12 tháng của các ngân hàng lớn được chọn trong các kỳ hạn còn lại. Những trái phiếu này không có bảo đảm.

Biến động trong kỳ của chi phí phát hành trái phiếu như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2022 VND</b>	<b>30/6/2021 VND</b>
Số dư đầu kỳ	33.332.683.963	-
Phân bổ trong kỳ	(3.571.358.994)	-
Số dư cuối kỳ	<b>29.761.324.969</b>	-



**18. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	(Lỗ lũy kế)/ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>	3.267.148.470.000	2.119.055.015.149	(2.363.473.770.995)	3.022.729.714.154
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	382.324.629	382.324.629
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>	3.267.148.470.000	2.119.055.015.149	(2.363.091.446.366)	3.023.112.038.783
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022</b>	3.269.884.470.000	2.119.005.015.149	28.005.542.651	5.416.895.027.800
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	(44.130.339.396)	(44.130.339.396)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022</b>	3.269.884.470.000	2.119.005.015.149	(16.124.796.745)	5.372.764.688.404

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***19. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	<b>30/6/2022 và 1/1/2022</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	326.988.447	3.269.884.470.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	326.988.447	3.269.884.470.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	326.988.447	3.269.884.470.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động của vốn cổ phần trong kỳ.

**20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	<b>30/6/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
Trong vòng 1 năm	-	227.204.640

**(b) Ngoại tệ**

	<b>30/6/2022</b>		<b>1/1/2022</b>	
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>
USD	5.204	118.457.006	18.086	409.656.959

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***21. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2022</b>	<b>30/6/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu nhập lãi	104.429.693.894	45.530.174.985
Lãi từ thanh lý chứng khoán kinh doanh	3.087.909.416	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	8.991.935	169.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.128.246	-
	<b>107.527.723.491</b>	<b>45.530.343.985</b>

**22. Chi phí tài chính**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2022</b>	<b>30/6/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	94.289.196.163	118.035.281.634
Chi phí phát hành trái phiếu	3.571.358.994	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	-	117.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	146.158.569
Chi phí khác	-	32.815.335.762
	<b>97.860.555.157</b>	<b>150.996.892.965</b>

**23. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2022</b>	<b>30/6/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	43.848.171.724	51.624.253.923
Chi phí thuê hoạt động	669.786.880	6.512.252.457
Chi phí dụng cụ văn phòng	947.047.009	1.471.097.044
Chi phí khấu hao và phân bổ	196.529.328	142.294.446
Chi phí khác	8.637.162.419	22.785.265.216
	<b>54.298.697.360</b>	<b>82.535.163.086</b>



**Công ty Cổ phần Masan MEATLife****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***24. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2022</b>	<b>30/6/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(44.130.339.396)	382.324.629
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(8.826.067.879)	76.464.926
Chi phí không được khấu trừ thuế	30.271.410	308.634.635
Biến động của các chênh lệch tạm thời	8.795.796.469	(385.099.561)
	-	-

**(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	<b>30/6/2022</b>		<b>1/1/2022</b>	
	<b>Chênh lệch tạm thời VND</b>	<b>Giá trị tính thuế VND</b>	<b>Chênh lệch tạm thời VND</b>	<b>Giá trị tính thuế VND</b>
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	80.147.785.803	16.029.557.161	86.576.186.756	17.315.237.351
Lỗi tính thuế	1.647.417.338.882	329.483.467.776	1.597.009.955.583	319.401.991.117
	1.727.565.124.685	345.513.024.937	1.683.586.142.339	336.717.228.468

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

<b>Năm hết hiệu lực</b>	<b>Tình hình quyết toán</b>	<b>Số lỗi được khấu trừ VND</b>
2022	Chưa quyết toán	665.385.871.285
2023	Chưa quyết toán	202.694.631.599
2024	Chưa quyết toán	339.068.244.558
2025	Chưa quyết toán	16.014.073.272
2026	Chưa quyết toán	373.847.134.869
2027	Chưa quyết toán	50.407.383.299
		1.647.417.338.882

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Theo các quy định thuế hiện hành, chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho Nhà nước với mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

**(d) Các khoản thuế tiềm tàng**

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian từ cục thuế này đến cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền khác nhau và cơ quan này có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là lớn hơn so với các nước khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế của họ, bao gồm các quy định chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan có thẩm quyền liên quan có thể có những cách hiểu khác nhau và có thể có ảnh hưởng đáng kể.

**25. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND</b>	<b>30/6/2021 VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan</b>		
Cho vay	258.600.000.000	-
Thu hồi khoản cho vay	2.921.350.000.000	150.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay và trái phiếu	93.417.470.235	2.294.456.834
<b>Các công ty con</b>		
<b>Công ty TNHH MNS Meat</b>		
Góp vốn	-	700.000.000.000
<b>Công ty TNHH MML Farm Nghệ An</b>		
Cho vay	-	256.400.000.000
Thu hồi khoản cho vay	106.000.000.000	271.700.000.000
Thu nhập lãi cho vay	1.715.216.440	1.642.345.208

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2022</b>	<b>30/6/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty TNHH MEATDeli HN</b>		
Cho vay	158.200.000.000	105.000.000.000
Thu hồi khoản cho vay	117.000.000.000	492.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	1.581.032.877	10.186.479.462
<b>Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn</b>		
Cho vay	50.000.000.000	331.800.000.000
Thu hồi khoản cho vay	100.000.000.000	181.950.000.000
Thu nhập lãi cho vay	7.333.816.449	7.528.246.575
<b>Công ty Cổ phần 3F VIỆT</b>		
Bán hàng hóa	-	93.410.512.925
<b>Các công ty con (đến ngày 1 tháng 12 năm 2021)</b>		
<b>Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang</b>		
Mua hàng hóa	-	211.455.596.920
Bán hàng hóa	-	1.511.378.620
Phí thuê kho	-	270.000.000
<b>Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên</b>		
Mua hàng hóa	-	102.775.072.335
Bán hàng hóa	-	102.883.410
Phí thuê kho	-	210.000.000
<b>Công ty TNHH MNS Feed Vĩnh Long</b>		
Phí thuê kho	-	720.000.000
<b>Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang</b>		
Mua hàng hóa	-	289.229.866.580
Bán hàng hóa	-	3.282.442.700
Phí thuê kho	-	210.000.000
<b>Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An</b>		
Mua hàng hóa	-	153.773.375.900
Bán hàng hóa	-	869.877.295
Phí thuê kho	-	210.000.000
<b>Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc</b>		
Mua hàng hóa	-	2.911.145.467.225
Bán hàng hóa	-	9.962.664.335
Phí thuê kho	-	100.303.687.077



**Công ty Cổ phần Masan MEATLife****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2022</b>	<b>30/6/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty TNHH Một Thành viên Proconco Cần Thơ</b>		
Mua hàng hóa	-	7.383.557.050
<b>Công ty TNHH Một Thành viên Con Cò Bình Định</b>		
Mua hàng hóa	-	740.947.133.475
Bán hàng hóa	-	2.323.389.570
<b>Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên</b>		
Mua hàng hóa	-	371.223.940.820
Bán hàng hóa	-	154.503.965
Phí thuê kho	-	378.000.000
<b>Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế</b>		
Mua hàng hóa	-	669.425.998.705
Bán hàng hóa	-	369.877.580
Phí thuê kho	-	190.800.000
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan</b>		
Chi phí công nghệ thông tin	1.780.994.003	6.007.642.843
Chi phí thuê	208.885.195	-
Phí quản lý	-	80.552.302
Mua hàng hóa	16.728.182	75.541.383
<b>Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce</b>		
Bán chứng khoán kinh doanh	258.637.909.416	-
Mua hàng hóa	103.169.196	339.655.855
<b>Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan</b>		
Cho vay	3.028.150.000.000	-
Trả nợ vay	-	260.000.000.000
Chi phí lãi vay	-	8.109.863.012
<b>Nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
Thù lao cho nhân sự quản lý chủ chốt (*)	1.964.775.000	15.864.924.000

Tại ngày và cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 và 2021, Công ty có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, một bên liên quan, theo các điều khoản giao dịch thông thường.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (\*) Không có khoản phí nào được trả cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị của Công ty cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 và 2021.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty cung cấp bảo lãnh thanh toán cho các khoản vay của các công ty con với số tiền là 232.520 triệu VND (1/1/2022: 1.065.996 triệu VND).

Ngày 18 tháng 8 năm 2022



Mã Hồng Kim  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Diễm  
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Quốc Trung  
Tổng Giám đốc



